

Số : /QĐ-SGTVT

Hà Tĩnh, ngày tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định Luật ngân sách Nhà nước; Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở giao thông vận tải Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định 4297/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBNDND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp, các tổ chức, đơn vị cấp tỉnh năm 2022;

Căn cứ Văn bản số 654/SGTVT-KHTC ngày 11/3/2022 của Sở Giao thông vận tải về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Sau khi Sở Tài chính thống nhất với số liệu phân bổ dự toán của Sở Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi NSNN năm 2022 cho đơn vị sử dụng ngân sách: Văn phòng Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh

(Theo phụ lục 02 đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách năm 2022 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện đúng quy định của luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng sở; Trưởng các phòng: Kế hoạch - Tài chính, Quản lý KCHT và ATGT và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- UBND tỉnh;
- Đơn vị sử dụng NS;
- Phòng QLKCHT và ATGT;
- Lưu VT-KHTC.

GIÁM ĐỐC

Lương Phan Kỳ

PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
Đơn vị: Văn phòng Sở Giao thông vận tải Hà Tĩnh- Mã QHNN:1049675
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGTVT ngày /3/2022)

Đơn vị tính: ngàn đồng

NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<u>I. Thu chi ngân sách phí, lệ phí (Chương 421-Loại 292)</u>	
<u>1. Thu phí, lệ phí:</u>	<u>12.165.000</u>
a. Thu phí	<u>8.960.000</u>
- Thu phí sát hạch xe máy	1.300.000
- Thu phí sát hạch lái xe ô tô	6.850.000
- Phí thẩm định	810.000
b. Thu lệ phí	<u>5.010.000</u>
- Lệ phí cấp đổi GPLX	5.010.000
<u>2. Số chi được để lại</u>	<u>2.359.000</u>
- Thu phí sát hạch xe máy	260.000
- Thu phí sát hạch lái xe ô tô	1.370.000
- Lệ phí cấp đổi GPLX	0
- Phí thẩm định	729.000
<u>3. Số nộp ngân sách và các khoản giảm trừ</u>	<u>11.611.000</u>
* Nộp ngân sách nhà nước	<u>5.351.000</u>
- Thu phí sát hạch xe máy	260.000
- Thu phí sát hạch lái xe ô tô	0
- Lệ phí cấp đổi GPLX	5.010.000
- Phí thẩm định	81.000
* Giảm trừ trả cơ sở đào tạo	<u>6.260.000</u>
- Trung tâm sát hạch lái xe theo chế độ (Sát hạch ô tô)	5.480.000
- Các cơ sở đào tạo lái xe mô tô	780.000
<u>4. Chi phí liên quan đến công tác thu phí</u>	<u>1.796.400</u>
- Chi các khoản thanh toán cá nhân	155.400
- Chi dịch vụ công cộng	1.280.000

- Chi mua sắm sửa chữa tài sản	120.000
- Chi khác	241.000
<u>5. Chênh lệch còn lại bổ sung điều hòa hoạt động</u>	<u>562.600</u>
Trong đó: Cải cách tiền lương (10%)	230.000
6. Kinh phí đề nghị NS tỉnh cấp bổ sung đến công tác cấp, đổi GPLX đã nộp NS 100%(dự kiến cấp lại 65% tổng số thu(Dự kiến NS cấp lại chi)	3.256.000
- Chi các khoản thanh toán cá nhân	120.000
- Chi dịch vụ công cộng	2.736.000
- Chi mua sắm sửa chữa tài sản	300.000
- Chi khác	100.000
<u>II. Dự toán NSNN (SN1+2)</u>	<u>10.042.000</u>
<u>1.Quản lý nhà nước : 340-341</u>	<u>7.996.000</u>
<u>Trừ tiết kiệm</u>	<u>384.000</u>
<u>Dự toán còn lại</u>	<u>7.612.000</u>
Trong đó: Kinh phí thực hiện tự chủ	5.362.000
- Kinh phí không thực hiện tự chủ(Phần dự toán phục vụ lệ phí)	2.250.000
<u>2. Kinh phí sự nghiệp</u>	<u>2.430.000</u>
* Sự nghiệp giao thông đường bộ	2.219.084
Chương 421, loại 280, khoản 292	2.219.084
2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	0
2.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.219.084
Trong đó : Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	
*Sự nghiệp giao thông đường sông	210.916
Chương 421, loại 280, khoản 294	210.916
3.1 Kinh phí thực hiện tự chủ	
3.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ	
Trong đó : Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương	210.916